

Số: 196/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 16 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của
các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp 1
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-BTMNT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục lưu vực sông nội tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của 21 tuyến sông nội tỉnh và 138 tuyến kênh trục, kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh phục vụ công tác kiểm soát nguồn thải, quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông nội tỉnh, bảo vệ nguồn nước nhằm định hướng các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thông báo danh mục sông nội tỉnh và các tuyến kênh trực, kênh cấp I được đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải tại Điều 1 Quyết định này đến các Sở, Ban, ngành, địa phương biết, phối hợp theo dõi, quản lý theo quy định; tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, điều chỉnh danh mục theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát nguồn thải vào nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh; kiểm soát chặt chẽ việc xả thải của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh nước thải, trong đó tập trung các dự án đầu tư lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; đồng thời, tham mưu, đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh; xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào môi trường nguồn nước mặt không còn khả năng chịu tải theo quy định.

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh không phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường đối với các dự án có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào các sông, kênh không còn khả năng chịu tải theo Điều 1 Quyết định này, trừ trường hợp dự án có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào nguồn tiếp nhận hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng, không làm phát sinh thêm nước thải hoặc dự án đầu tư xử lý các chất ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường khu vực bị ô nhiễm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp phù hợp với khả năng tiếp nhận nguồn thải, sức chịu tải của các tuyến sông, kênh trên địa bàn tỉnh.

b) Triển khai thực hiện các giải pháp kiểm soát nguồn thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhất là nguồn thải từ nuôi thủy sản, hoạt động cải tạo ao, hồ trong nuôi thủy sản.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong hoạt động cấp Giấy phép môi trường đối với các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước và hệ thống công trình thủy lợi.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan tuyên truyền, vận động người dân di dời nhà ở tại khu vực ven sông, kênh trong nội ô đô thị; rà soát các quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị để từng bước đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, góp phần giảm ô nhiễm môi trường nước mặt.

4. Sở Giao thông Vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, địa phương và các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất việc nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa địa phương theo quy định.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các giải pháp kiểm soát nguồn thải từ hoạt động giao thông, các bến tàu, bến cảng.

5. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các giải pháp kiểm soát nguồn thải từ các hoạt động công nghiệp, cụm công nghiệp.

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan có phương án quy hoạch bố trí phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp với đặc điểm khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải theo từng sông, kênh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các Sở, ngành nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý, tái sử dụng các nguồn thải, các giải pháp tăng cường khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các tuyến sông, kênh trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan quản lý hoạt động xả thải của các doanh nghiệp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, đảm bảo phù hợp với khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải.

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp kiểm soát nguồn thải từ hoạt động trong các khu kinh tế, khu công nghiệp; xúc tiến các chủ đầu tư hạ tầng trong các khu kinh tế, khu công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức quản lý danh mục các nguồn nước được đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại Điều 1 Quyết định này trên địa bàn quản lý; kiểm tra, giám sát các hoạt động xả thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn quản lý; kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý các nguồn thải, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường đối với các tuyến sông, kênh trên địa bàn quản lý.

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn quản lý.

c) Không cấp giấy phép môi trường theo thẩm quyền cho các dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt trên các sông, kênh không còn khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải, trừ trường hợp dự án có phương án xử lý nước thải đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường chất lượng nước mặt trước khi thải vào nguồn tiếp nhận; hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải; hoặc dự án đầu tư xử lý các chất ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt khu vực bị ô nhiễm.

d) Chủ động xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải trên địa bàn.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm soát các hoạt động dân sinh xả thải xuống các tuyến sông, kênh. Rà soát và có kế hoạch di dời, giải tỏa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ gia đình xây dựng công trình vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, lấn chiếm lòng sông, kênh rạch, cản trở lưu thông dòng nước.

e) Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn quản lý theo quy định.

9. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước mặt trên các sông, kênh theo quy định.

b) Kiểm soát nguồn phát sinh ô nhiễm, quản lý chặt chẽ các nguồn thải trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh; xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện